

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK GLONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26-01-2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Vũ Văn Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông K'Bar và ông Nguyễn Hoài Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên tòa:** ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lâm Tuyết Nh, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn 4, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức B, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; đang chấp hành án tại Trại giam Đ, thôn 11, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lâm Tuyết Nh trình bày:* Chị Nh và anh Nguyễn Đức B xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đắk Glong ngày 15/11/2016. Sau khi cưới anh chị chung sống với bố mẹ anh B tại Thôn 10, xã Q, huyện Đ cho đến năm 2018 anh B bị bắt thì chị Nh chuyển về ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn 4, xã Q từ đó cho đến nay; trong thời gian chung sống anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất

đồng quan điểm, anh B thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nên bị xét xử và đang chấp hành hình phạt tù. Hiện nay anh chị không còn tình cảm, không thể quay về chung sống nên chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Trong thời chung sống anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Lâm Đức Tr, sinh ngày 11/5/2017, hiện nay cháu đang ở với chị Nh nên chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con; anh chị không có tài sản chung và không nợ chung với ai nên chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết..

*Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đức B trình bày:* Anh và chị Nh quen biết, tìm hiểu nhau được 01 năm thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đ ngày 15/11/2016; anh chị xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện, được tổ chức lễ cưới và sự đồng ý của gia đình hai bên; anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2018 anh B phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và chấp hành án tại Trại giam Đại B; anh B đồng ý ly hôn với chị Nh; giao con chung là Nguyễn Lâm Đức Tr, sinh ngày 11/5/2017 cho chị Nh nuôi dưỡng; anh chị không có tài sản chung, nợ chung.

Kiểm sát quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết yêu cầu của đương sự: Qua lời khai của các đương sự và thực tế mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nh và anh B thấy rằng anh chị không còn tình cảm với nhau, đều yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn; yêu cầu ly hôn của chị Nh là có căn cứ nên chấp nhận; về con chung: Chị Nh và anh B đều thống nhất giao cháu Tr cho chị Nh nuôi dưỡng nên cần chấp nhận, chị Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh B tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị Lâm Tuyết Nh yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Đức B và nuôi con chung; chị Nh và anh B có đăng ký kết hôn hợp pháp nên tranh chấp giữa các đương sự là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"; anh B cư trú tại Thôn 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án anh B có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Chị Nh và anh B xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp; giữa anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn bất đồng trong quan điểm sống; anh

chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đều thống nhất ly hôn nên yêu cầu ly hôn của chị Nh là có căn cứ nên chấp nhận.

[4]. Chị Nh và anh B có một con chung là cháu Nguyễn Lâm Đức Tr, sinh ngày 11/5/2017; chị Nh và anh B thống nhất giao cháu Tr cho chị Nh nuôi dưỡng; chị Nh đủ điều kiện nuôi con chung, anh B đang chấp hành án nên không có điều kiện nuôi con chung nên giao cháu Tr cho chị Nh nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nh và anh B không yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nh là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. *Về hôn nhân:* Chị Lâm Tuyết Nh ly hôn anh Nguyễn Đức B.
2. *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Lâm Đức Tr, sinh ngày 11/5/2017 cho chị Lâm Tuyết Nh nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); chị Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nh có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Chị Nh có quyền anh B thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này; anh B cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị Nh cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Lâm Tuyết Nh và anh Nguyễn Đức B không yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Lâm Tuyết Nh phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005776 ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- UBND xã Q (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

**Vũ Văn Tuấn**